

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2023/HS-ST

Ngày 17/10/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Anh Hồng

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tư Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Thăng Long, Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Ông Nguyễn Văn TKiểm sát viên sơ cấp - Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/HSST-QĐ đối với:

Bị cáo: **Vũ Thị H**; sinh ngày 22 tháng 12 năm 1979, tại L, tỉnh Hòa Bình nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn H1 và bà Lê Thị T1 có chồng Nguyễn Mạnh H2 và 03 con; gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2023 đến ngày 13/6/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh - Có mặt.

- Bị hại:

Anh Ngô Xuân T2 sinh năm 1980; trú tại: Số B, tổ G, khu C, Thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trần Thị Thanh H3; sinh năm: 1988 trú tại: Số B, tổ G, khu C, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội - Vắng mặt.

2. Ông: Chu Văn T3; sinh năm 1974; trú tại: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên - Vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị Ssinh năm 1960; trú tại: tiểu khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Q sinh năm 1990; trú tại: Xóm R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Mạnh H2; sinh năm 1972; trú tại: Tiểu khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.

6. Bà: Lê Thị T1; sinh năm 1957; trú tại: Xóm R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Quốc H4; sinh năm 1983; Trú tại: R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị H có mối quan hệ quen biết với anh Ngô Xuân T2 Vào khoảng tháng 10 năm 2020, T2 gặp và kể với H về việc T2 cùng Nguyễn Quốc H4 Nguyễn Hữu H5 bị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn xét xử sơ thẩm tuyên phạt án tù giam về tội đánh bạc, anh T2 muốn tìm người lo giúp cho T2 được hưởng án treo. Sau khi anh T2 trao đổi, H nói với anh T2 là H có quen biết với ông Chu Văn T3 công tác ở Bộ C có thể lo được việc xin giảm tù giam thành tù treo cho anh T2 với chi phí là 200.000.000 đồng. Anh T2 đồng ý và nhờ H gặp ông T3 để lo việc.

Sau đó vài ngày, Vũ Thị H cùng anh T2 đến gặp ông Chu Văn T3 và đặt vấn đề để giảm án tù giam sang án treo, ông T3 có tư vấn và hướng dẫn cách làm đơn kháng cáo, đề nghị giảm án, xin được hưởng án treo.

Sau khi đi gặp ông T3 về, H gọi điện nói với anh T2 là ông T3 yêu cầu đưa tiền để lo việc. Tin tưởng vào H sẽ lo được cho mình hưởng án treo nên anh T2 đã đưa cho H tổng số tiền 200.000.000 đồng như thống nhất ban đầu, cụ thể:

- Ngày 09/10/2020, anh T4 đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng. H ra ngân hàng chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản số 060.007.000.297 mang tên Chu Văn T3 mở tại Ngân hàng TMCP S1 chi nhánh L, Hà Nội Sau đó H đưa lại giấy chuyển tiền cho anh T2.

- Ngày 19/10/2020, chị Trần Thị Thanh H3 là vợ anh T2 đến công ngân hàng BIDV huyện L gặp H và đưa cho H 190.000.000 đồng, H nhận đủ tiền và viết cho H301 (một) giấy biên nhận với nội dung để lo việc cho anh T2 Sau khi nhận tiền, H đến gặp ông T3 đưa cho ông T3 120.000.000 đồng và nhờ ông T3 lo án treo cho anh T2 nhưng ông T3 nói chỉ tư vấn kháng cáo chứ không nhận lo việc xin án treo nhưng H vẫn để lại số tiền 120.000.000 đồng rồi đi về còn lại 70.000.000 đồng H giữ lại và sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 08/4/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đưa vụ án hình sự số 45/2020 TLST-HS ra xét xử phúc thẩm tuyên phạt: Ngô Xuân T2 15 tháng tù giam. Ông Chu Văn T3 nói với H là T2 có tiền án nên không được hưởng án treo và trả lại cho H số tiền 130.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 130.000.000 đồng từ ông T3 trả lại, Vũ Thị H đã giữ lại không trả cho anh T2 Đến tháng 5/2022, khi anh T2 làm đơn tố cáo Vũ Thị H đến cơ quan điều tra. H mới trả cho gia đình anh T2 100.000.000 đồng, còn số tiền 30.000.000 đồng H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 23/5/2023 Vũ Thị H bị khởi tố bị can và bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 12/LB-VPCQCSĐT của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H

Cáo trạng số 55/CT-VKS-P2 ngày 21/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy Vũ Thị H về tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” theo điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình giữ nguyên yêu cầu truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Vũ Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Thị H từ 24 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Thị H khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình; Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại, phiên tòa bị cáo Vũ Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng; lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vũ Thị H là người có đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, không phải là người có chức trách, thẩm quyền Quyết định đối với người phạm tội và cũng không quen biết đối với người có thẩm quyền quyết định hình phạt, song đã đưa ra thông tin gian dối với Ngô Xuân T2 là quen biết với Chu Văn T3 làm ở Bộ Clà người có thể lo cho T2 từ án giam thành án treo với mức giá 200.000.000 đồng. T2 đồng ý, sau khi nhận trực tiếp số tiền 200.000.000 đồng của Ngô Xuân T2 H chỉ đưa cho T3 130.000.000 đ nhờ lo việc cho T2 còn giữ lại 70.000.000 đồng, sử dụng cá nhân. Đồng thời khi T3 trả lại số tiền cho H số tiền đã đưa cho T3 để trả lại cho T2 nhưng H chỉ trả lại cho T2 100.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Hành vi đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng, của bị cáo Vũ Thị H là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, làm giảm lòng tin của cơ quan thực thi pháp luật đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Vũ Thị H đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục bồi thường toàn bộ trách nhiệm dân sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra bị cáo có bác ruột là ông Vũ Văn M tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn do con của bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[4]. Về hình phạt.

- Căn cứ vào, tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét thấy cần phải lên một mức án nghiêm khắc để giáo dục bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật phòng ngừa và đấu tranh tội phạm.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã khắc phục hậu quả và bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo do vậy xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà có thể áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo điều 65 Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự

Quá trình điều tra gia đình bị cáo H đã hoàn trả cho anh Ngô Xuân T290.000.000đ, anh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại, do vậy Không đề cập giải quyết.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với ông Chu Văn T3 là người đã nhận 130.000.000đ do Vũ Thị H chuyển nhưng sau đó đã trả lại toàn bộ số tiền cho Vũ Thị H. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định về mặt chủ quan ông T3 có ý thức chiếm đoạt số tiền 130.000.000 đồng của anh T2 cũng như không có dấu hiệu của việc đưa và nhận hối lộ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra, cơ quan điều tra cũng xác định việc bà Bùi Thị S đưa cho Vũ Thị H 50.000.000 đồng để nhờ xin cho con trai bà S (Nguyễn Hữu H) được hưởng án treo song H đã trả lại bà S. Bà S không có yêu cầu gì khác. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác định ý thức chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị H không đề cập xử lý nội dung này là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Vũ Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Vũ Thị H** 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao **Vũ Thị H** cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, Hòa Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc phải thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này, tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí: : Áp dụng Điều 136 Bộ luật tổ tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lê phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Thị **H phải** nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh HB;
- STP tỉnh HB;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Công an huyện Lương Sơn;
- Chi cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trường Giang